

Bản án số: **446/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 05 -10-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt
2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố Y.

Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2022/TB-TLVA ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 572/2022/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 616/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Bá L, sinh năm 1983

Địa chỉ: 378/7 Khóm M, phường M, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ liên lạc: 143-145B Đường C, Phường G, Quận Z, thành phố Y.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Căn 810 Lô B5, Chung cư Phường K, Phường K, Quận X, TP Y.

(Ông L và bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Bá L trình bày:

Ông tự nguyện chung sống với bà Nguyễn Thị Thùy T từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường P, Quận X, Thành phố Y. Quá trình chung sống, giữa ông và bà T thường xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông và bà T đã sống ly thân gần một năm nay. Ông Trần Bá L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy T, mong Tòa án giải quyết để ông sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Thùy T có một con chung tên Trần Khả D, sinh ngày 10/07/2016. Hiện nay, cháu D đang ở với mẹ, khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Trần Khả D cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ông L sẽ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông Trần Bá L xác nhận không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thùy T không có văn bản gửi đến Tòa án nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Y phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn ông Trần Bá L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy T. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường P Quận X và Công an Phường K Quận X, TP Y thì bà Nguyễn Thị Thùy T có hộ khẩu thường trú tại 280/102 Đường T1, Phường P, Quận X -TP. Y, thực tế có cư trú tại 810 Lô B5, chung cư Phường K, Quận X, TP. Y. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và thực tế đang cư trú tại địa chỉ tại 810 Lô B5, chung cư Phường K, Quận X, TP. Y nên đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn ông Trần Bá L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần thứ hai). Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung khởi kiện:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Bá L và bà Nguyễn Thị Thùy T chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường P, Quận X, Thành phố Y (*Giấy chứng nhận kết hôn số 61.2016 do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận X, Thành phố Y cấp ngày 12/10/2016*) nên hôn nhân giữa ông L và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Ông L xác nhận, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân khoảng một năm nay. Bà T và con chung đang sống tại 810 Lô B5, chung cư Phường K, Quận X, TP. Y, còn ông L sống tại bãi xe công ty nơi ông làm việc. Nay tình cảm vợ chồng không còn và ông không thể tiếp tục chung sống với bà T nên xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến Tòa để tham dự phiên hòa giải đoàn tụ nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở xem xét yêu cầu của ông L, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông L và bà T đang sinh sống. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường K, Quận X cho thấy: “Hiện tại ông Trần Bá L và bà Nguyễn Thị Thùy T không còn sinh sống tại địa phương. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, không ghi nhận thông tin về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà T. Địa phương không tiếp nhận, giải quyết yêu cầu liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng của ông L, bà T”. Kết quả trả lời xác minh là phù hợp với lời khai của ông L. Trong khoảng thời gian chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn, xung đột nhưng ông không trình báo với chính quyền địa phương, can thiệp, hòa giải.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông L và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông L yêu cầu được ly hôn với bà T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông L và bà T có một con chung tên Trần Khả D, sinh ngày 10/07/2016 (*Giấy khai sinh số 122/2016 do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận X, Thành phố Y cấp ngày 18/10/2016*). Khi ly hôn, ông L đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ông L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng, cho đến khi con chung thành niên.

Xét thấy, hiện nay, trẻ Trần Khả D đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục nên việc ông L đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp, tránh làm xáo trộn đến cuộc sống ổn định, sự phát triển của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L thực hiện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung thành niên. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 02 (hai) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 11 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông Trần Bá L xác nhận không có. Bà Nguyễn Thị Thùy T vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Bá L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Bá L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy T

1.2. Về con chung: Xác định ông Trần Bá L và bà Nguyễn Thị Thùy T có một con chung tên Trần Khả D, sinh ngày 10/07/2016. Giao con chung tên Trần Khả D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Bá L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng; thực hiện cấp dưỡng vào ngày 02 (hai) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 11/2022 đến khi con chung đủ mười tám tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng: Ông Trần Bá L xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Bá L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0008717 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X; ông L còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Ông Trần Bá L và bà Nguyễn Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Quỳnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Quỳnh